

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 75/2018/DS-ST

Ngày: 05 - 4 - 2018

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Anh Đoan

2. Bà Lý Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 280/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962, địa chỉ: tổ 09, ấp Bình T 1, xã Phú B, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Thanh Ph, sinh năm 1977, địa chỉ: tổ 04, ấp Th 2, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Theo giấy ủy quyền lập ngày 07/11/2017 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959, địa chỉ: ấp Bình T 1, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2017 và quá trình tố tụng nguyên đơn và người đại diện trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị B là chỗ quen biết nên bà L có cho bà B vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) vào ngày 20/6/2016 (âm lịch) để sửa chữa nhà, thời hạn trả là ngày 20/8/2016 (âm lịch) có làm giấy cam kết nhận

nợ. Đối với lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 5% tháng. Sau đó thì bà B có hỏi mượn thêm 9.000.000đ (Chín triệu đồng) nhưng không có làm hợp đồng hay biên nhận gì.

Sau khi vay, bà B không trả lãi số tiền nào nên bà L làm đơn gửi đến Ban áp Bình T 1 để giải quyết. Khi hòa giải vào ngày 28/02/2017 thì bà B thừa nhận vay có lãi của bà L số tiền vốn gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), vay không có lãi số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng), tổng cộng 109.000.000đ (Một trăm lẻ chín triệu đồng) và nợ tiền lãi là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), nhưng xin trả 20.000.000đ, cam kết trả mỗi tháng 5.000.000đ, từ ngày 30/3/2017 đến 30/6/2017. Sau đó, từ ngày 30/7/2017 tiếp tục trả vốn gốc cho đến khi dứt nợ với số tiền là 109.000.000đ.

Tuy nhiên, sau khi cam kết, bà B chỉ trả tiền lãi 02 tháng, mỗi tháng 5.000.000đ, tổng cộng 10.000.000đ thì ngưng cho đến nay.

Do đó, bà L yêu cầu Tòa án buộc bà B trả số tiền vốn gốc 109.000.000đ (Một trăm lẻ chín triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật. Số tiền cho bà B vay là tiền riêng, không phải tài sản chung với chồng là ông Nguyễn Văn Đ.

Tờ tường trình ngày 27/11/2017 và lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà với bà Nguyễn Thị L là hàng xóm, bà vay của bà L nhiều lần, tổng cộng số tiền là 79.000.000đ, nhưng không nhớ rõ thời gian:

- Lần 1: Vay 15.000.000đ;
- Lần 2: Vay 15.000.000đ;
- Lần 3: Vay 20.000.000đ;
- Lần 4: Vay 10.000.000đ;
- Lần 5: Vay 10.000.000đ;
- Lần 6: Vay 9.000.000đ.

Mỗi lần vay cách nhau khoảng 10 ngày. Đối với số tiền 109.000.000đ (Một trăm lẻ chín triệu đồng) bà L khai thì bà không biết. Tại biên bản hòa giải ở ban áp Bình T 1 ngày 28/02/2017 bà thừa nhận chữ ký trong biên bản hòa giải là của bà nhưng nội dung trong biên bản ghi như thế nào thì bà không biết, vì bà không biết chữ, trước sau bà chỉ vay của bà L 79.000.000đ (Bảy mươi chín triệu đồng).

Sau khi vay, trả lãi cho bà L được 10.000.000đ vào khoảng tháng 10/2016.

Sau khi Ban áp hòa giải xong thì tôi có gửi tiền về cho ban áp nhờ ban áp trả lãi giùm cho bà L 02 lần, 10.000.000đ (Mười triệu đồng), mỗi lần trả 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tổng cộng trả tiền lãi là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Nay bà L khởi kiện thì xin được trả tiền vốn 79.000.000đ (Bảy mươi chín triệu đồng), xin được miễn phần lãi suất. Phần lãi đã trả bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: bà Nguyễn Thị L khởi kiện bị đơn và đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là tờ cam kết có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị L và lời thừa nhận của bà B tại biên bản hòa giải tại ban ấp Bình T 1 ngày 28/02/2017.

Bà B thừa nhận chữ ký nhưng nại rằng chỉ nợ bà L 79.000.000đ nhưng không đưa ra được chứng cứ là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Bà Nguyễn Thị B tranh chấp với bà Nguyễn Thị L về số tiền vay 109.000.000 đồng nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị B cư trú tại ấp Bình T 1, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Quách Thanh Ph tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn Đ (chồng bà L) và bà L đều xác nhận số tiền bà L cho bà B vay là tiền riêng của bà L không phải tiền chung trong gia đình nên không cần thiết phải đưa ông Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà L rút lại phần yêu cầu tính lãi đối với bà B nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã cho đối chất giữa bà B và người làm chứng Nguyễn Thị L liên quan đến số tiền 100.000.000đ thể hiện trong Giấy cam kết ghi thời hạn từ ngày 20/6/2016 đến 20/8/2016. Qua đối chất bà L xác nhận

bà tình cờ có mặt tại nhà bà L, sau khi bà L ghi tờ giấy cam kết thì có đọc lại cho bà B nghe, nội dung bà B có nợ bà L số tiền 100.000.000đ hẹn trả trong 02 tháng nếu không trả thì bà L sẽ lấy nhà. Sau khi đọc xong thì bà B ký tên, sẵn dịp có mặt tôi nên bà B yêu cầu ký tên người làm chứng thì tôi ký.

Sau đó thì sự việc như thế nào thì tôi không biết.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Đương sự không yêu cầu áp dụng nên không xem xét.

[4] Về nội dung vụ án:

Ngày 20/6/2016 (âm lịch) bà B vay của bà L 100.000.000đ, lãi suất là 5% tháng, thời hạn trả là ngày 20/8/2016 (âm lịch). Sau đó vay thêm 9.000.000đ, tổng cộng là 109.000.000đ (Một trăm lẻ chín triệu đồng). Tuy nhiên, bà B chỉ thừa nhận nợ của bà L số tiền là 79.000.000đ (Bảy mươi chín triệu đồng).

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà L đã nộp cho Tòa án Biên bản hòa giải ngày 28/02/2017 của ban ấp Bình T 1, xã Phú B, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang và giấy cam kết nhận nợ có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị L.

Như vậy, về chứng cứ bên nguyên đơn có căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, phù hợp với đối chất tại phiên tòa. Bà B chỉ khai nại, không chứng minh được nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Về mức lãi suất: các bên thỏa thuận mức lãi 5%/tháng là cao so với quy định của pháp luật. Lẽ ra cần điều chỉnh cho phù hợp. Tuy nhiên, bị đơn không có yêu cầu và Hội đồng xét xử thấy rằng, phần tiền lãi đã trả và phần tiền lãi chưa trả nếu điều chỉnh là bất lợi cho bị đơn nên không cần phải điều chỉnh là phù hợp.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định bà B có trách nhiệm trả cho bà L số tiền vay là 109.000.000đ (Một trăm lẻ chín triệu đồng).

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vốn gốc là 109.000.000đ (Một trăm lẻ chín triệu đồng).

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu trả tiền lãi đã rút của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị B.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị B phải chịu 5.450.000 đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

- Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà L 2.725.000 đồng (hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016309 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên số tiền vốn gốc tương ứng thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Hai